

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST.
Ngày: 11/01/2024.
V/v: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm;
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 880/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 628/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: khóm Mỹ Phú Đất L, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị P là bà Bùi Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2023).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ X, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T và bà K có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Bùi Thanh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P thống nhất trình bày:

Bà P cho bà K vay tiền hai lần trong cùng ngày 13/12/2021 (âm lịch) nhằm ngày 15/01/2022 (dương lịch), lần thứ nhất bà K vay 39.000.000 đồng có làm biên nhận, lần thứ 2 bà K vay 9.000.000 đồng ghi bổ sung thêm vào biên nhận 39.000.000 đồng, sau đó nên hai bên thống nhất chốt thành một biên nhận nợ 48.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng nhưng không có ghi vào biên nhận nợ và cũng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, bà K chỉ nói khi nào bán xoài xong bà K sẽ trả tiền cho bà P. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay, bà K không trả cho bà P khoản tiền lãi hay tiền vốn nào.

Biên nhận ngày 15/01/2022 do bà P ghi nội dung, bà K ký tên vào biên nhận chỗ người mượn.

Việc bà K trình bày bà P cho bà K vay số tiền 16.000.000 đồng là không đúng, từ trước đến nay, bà P không lần nào cho bà K vay số tiền 16.000.000 đồng và cũng không có nhận khoản tiền lãi nào của bà K.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả cho bà P số tiền 48.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/01/2022 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả tiền vốn vay là 48.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu bà K trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Năm 2019, bà K có vay của bà P số tiền 16.000.000 đồng (một lần 10.000.000 đồng và một lần 6.000.000 đồng) để trị bệnh cho con, bà P đồng ý cho bà K vay 16.000.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng.

Sau khi vay tiền, bà K đã đóng tiền lãi cho bà P được 3 tháng, mỗi tháng là 4.800.000 đồng sau đó do dịch bệnh Covid-19, bà K không có tiền nên bà K không đóng tiền lãi cho bà P nữa. Đến giữa năm 2020, bà P và bà K có thỏa thuận lại với nhau thống nhất là bà K còn nợ bà P 16.000.000 đồng tiền gốc và 12.800.000 đồng tiền lãi, cùng thời điểm hai bên thỏa thuận này bà K đã trả cho bà P 16.000.000 đồng tiền gốc và 12.800.000 đồng tiền lãi. Đến giữa năm 2021, bà P tiếp tục yêu cầu bà K đóng tiền lãi thì bà K tiếp tục trả cho bà P 8.000.000 đồng tiền lãi (một lần 5.000.000 đồng, một lần 3.000.000 đồng) là chấm dứt.

Tổng cộng bà K đã trả cho bà P 16.000.000 đồng tiền gốc và 35.200.000 đồng tiền lãi.

Đối với số tiền 48.000.000 đồng mà bà P yêu cầu, bà K không biết, bà K không có vay. Bà K thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 15/01/2022 là chữ ký

của bà K tuy nhiên bà K không biết gì về nội dung biên nhận, biên nhận là do bà P ghi. Lý do vì sao bà K ký tên vào trong biên nhận ngày 15/01/2022 của bà P thì bà K cũng không nhớ. Hiện nay, bà K không còn nợ khoản tiền nào của bà P nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vay 48.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà K không đồng ý với yêu cầu của bà P. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ X, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu của bà P yêu cầu bà K có trách nhiệm trả số tiền 48.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án bà P có cung cấp 01 biên nhận bản chính ghi ngày 15/01/2022, biên nhận này bà K ký tên. Bà K thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 15/01/2022 là chữ ký của bà K. Do đó, hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bà K có vay tiền của bà P là có thật. Bà K cho rằng không biết gì về nội dung biên nhận ngày 15/01/2022, biên nhận là do bà P ghi, lý do vì sao bà K ký tên vào trong biên nhận ngày 15/01/2022 của bà P thì bà K cũng không nhớ và khẳng định không có vay số tiền 48.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà K không xuất trình được tài liệu chứng minh cho lời trình bày của bà. Do đó, hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà P. Buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vốn 48.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P không yêu cầu bà K trả tiền lãi. Do đó, căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu của bà P về việc yêu cầu bà K có nghĩa vụ trả tiền lãi.

[5] Về án phí: Bà K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà P không phải chịu án phí và được nhận lại 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004541 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 161, Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả tiền lãi.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vốn 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà P không phải chịu án phí và được nhận lại 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004541 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Thắm